



HỢP TÁC, CẠNH TRANH CƠ HỘI VÀ ĐỘNG LỰC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

• PGS. TS PHAN VĂN KHA

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế theo cơ chế quản lí kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường định hướng XHCN, có sự quản lí của Nhà nước và trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, hợp tác (HT) và cạnh tranh (CT) ở mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục (GD), ngày càng được phát triển cả bề rộng cũng như bề sâu. HT và CT cung ứng dịch vụ GD không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn mở rộng ra phạm vi quốc tế. Mục tiêu và tính chất của HT, CT trong GD ngày càng phát triển đa dạng. HT đã, đang và sẽ là một cơ hội lớn lao để phát triển GD nước ta trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn. Đồng thời, thông qua HT để tăng cường năng lực CT của hệ thống GD. CT trong GD, đặc biệt là CT quốc tế là một thách thức do hội nhập quốc tế mang lại cần vượt qua, đồng thời CT cũng tạo động lực để phát triển GD. Bài viết này chỉ đề cập HT và CT để phát triển GD ở cấp hệ thống và các cơ sở GD.

1. Khái niệm và các loại hình HT và CT

1.1. Khái niệm

- HT: Cùng làm những việc chung nhằm đạt được những thành công trong công việc, nhằm đạt các mục tiêu đặt ra.

- CT: sự tranh đua giành địa vị, tranh giành vị trí, giải thưởng trong các cuộc thi (thi âm nhạc, thể dục thể thao, .v.v...); cuộc đọ sức giữa những người, những tổ chức trong đó các bên đều cố gắng giành phần hơn, phần thắng về mình, nhằm đạt được những lợi ích nhất định (CT giành thị trường, thu hút học sinh giỏi vào các trường chuyên, học sinh giỏi vào các trường đại học .v.v...)

1.2. Các loại hình HT và CT

Dựa vào mục đích của HT, CT có thể phân loại:

* HT thuần túy nhằm tăng cường tiềm lực của một bên hoặc các bên đối tác; cũng có thể HT để tăng cường năng lực CT với những đối thủ khác.

* CT để tạo động lực cùng phát triển.

* CT vì lợi nhuận: trong lĩnh vực kinh doanh,

các bên CT với nhau nhằm tăng thêm lợi ích, số lượng khách hàng.

* CT để phân hóa, phân lớp, phân tầng: (CT vào các trường chuyên, trường chất lượng cao) Là căn cứ để xác định người chiến thắng trong số 2 hoặc nhiều đối thủ.

* CT nhằm đạt được phần thưởng nào đó: trong các cuộc thi học sinh giỏi, thi âm nhạc, thể thao .v.v...

* CT nhằm thủ tiêu đối thủ, CT để loại trừ nhau.

- Dựa vào phạm vi địa lí của sự HT, CT có thể phân loại: HT, CT nội bộ và HT, CT quốc tế;

- Dựa vào phạm vi lĩnh vực của sự HT, CT có thể phân loại: HT, CT trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng các loại hình dịch vụ sinh viên, đầu tư cơ sở vật chất, trao đổi chuyên gia, giáo viên và giảng viên .v.v...

- Dựa vào chủ thể HT, CT có thể phân loại: HT, CT ở cấp hệ thống (giữa các tỉnh, vùng miền; giữa hệ thống GD của các nước); HT, CT giữa các cơ sở GD&ĐT; HT, CT giữa những người dạy; HT, CT giữa những người học; HT giữa người dạy và người học; HT song phương và đa phương, CT giữa hai hoặc nhiều đối thủ.

- Dựa vào tính chất của HT, CT phân loại: 1) CT lành mạnh và không lành mạnh. CT lành mạnh là CT trong đó các đối thủ CT nhau bằng tiềm lực của chính mình, theo đúng pháp luật, đảm bảo công bằng trong CT. CT không lành mạnh có nghĩa ngược lại, trong nhiều trường hợp đồng nghĩa với tàn ác, tàn bạo, hung ác.; 2) HT hai bên cùng có lợi là HT mang tính chất giúp đỡ, hỗ trợ của bên đối tác có tiềm lực, có trình độ phát triển cao cho bên thứ hai còn nhiều điều kiện khó khăn, có trình độ phát triển thấp.

2. HT và CT là hai mặt vừa mang tính thống nhất, vừa mang tính đối lập, mang tính quy luật, song song cùng tồn tại và là động lực của sự phát triển

2.1. Mối quan hệ giữa HT và CT

- HT và CT là cặp phạm trù, là những quy luật chủ yếu trong xã hội nói chung và trong GD



nói riêng, song song tồn tại như một tất yếu khách quan.

- Quan hệ HT và CT mang tính thống nhất khi các đối thủ vừa HT vừa CT nhau để tạo động lực cùng nhau phát triển; CT nhưng không đối lập nhau, CT để cùng nhau phát triển, vươn tới tầng bậc cao hơn, chất lượng tốt hơn .v.v... chấp nhận nền GD với đa cấp chất lượng (trường chuyên, lớp chọn, trường chất lượng cao, trường đẳng cấp quốc tế, lớp cử nhân tài năng .v.v...)

- Quan hệ HT và CT mang tính mâu thuẫn, đối lập nhau khi các đối thủ CT không thể HT với nhau, CT để loại trừ nhau, thủ tiêu nhau.

2.2. HT và CT trong GD thời kì kinh tế kế hoạch hóa tập trung

Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp: Nhà nước toàn quyền và chịu trách nhiệm tất cả các khâu từ quy hoạch, phân chỉ tiêu đào tạo và cung ứng các điều kiện đảm bảo cho quá trình đào tạo, phân bổ số học sinh, sinh viên (HS, SV) tốt nghiệp các trường dạy nghề (DN), trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), cao đẳng và đại học (CĐ&ĐH) cho các đơn vị sử dụng. Trong thời kì này, các trường chỉ có nhiệm vụ duy nhất là xây dựng và phát triển nhà trường trên cơ sở các điều kiện về tài chính, đội ngũ và cơ sở vật chất do Nhà nước phân giao và tổ chức đào tạo. Sự HT giữa các trường trong nước, giữa các trường trong nước với các trường trên thế giới, giữa ngành GD Việt Nam với các nước và tổ chức quốc tế được hình thành và dần được mở rộng, phát triển. HT nội bộ trong hệ thống GD Việt Nam với mục tiêu chủ yếu nhằm tận dụng có hiệu quả các điều kiện hiện có của các trường.

HT quốc tế trong GD của Việt Nam ở giai đoạn này chủ yếu là tìm kiếm sự hỗ trợ của các nước và tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên xô và các nước XHCN Đông Âu trước đây. Các hoạt động HT quốc tế bao gồm: gửi học sinh, sinh viên và nghiên cứu sinh đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài; trao đổi kinh nghiệm, trao đổi chuyên gia GD; viện trợ đồng bộ cho việc xây dựng và phát triển trường học, hoặc hỗ trợ từng lĩnh vực, như tài chính và cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, phương tiện dạy học, v.v...

Mặc dù không có biểu hiện rõ nét nhưng CT nội bộ trong GD Việt Nam thời kỳ này, về thực chất cũng đã tồn tại. Trong điều kiện chất lượng nền GD còn thấp, điều kiện tài chính hạn hẹp, cơ sở vật chất nghèo nàn, chúng ta không có đủ

điều kiện để tất cả học sinh đi học theo đúng nhu cầu mà họ mong muốn. Cuộc "CT thầm lặng" xuất hiện giữa những người học để được tiếp cận đầy đủ việc học hành theo những lĩnh vực ngành nghề, trình độ GD với chất lượng cao. Hình thức CT giữa những người học thông qua các cuộc thi để được tuyển chọn vào học tại các trường có chất lượng cao ở trong nước và đi du học nước ngoài.

CT còn xuất hiện giữa các trường ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo nhằm thu hút học sinh vào học. Các cơ sở GD mầm non (GDMN) có chất lượng chăm sóc và GD trẻ tốt thu hút lượng đông các cháu đến học. Đối với các trường phổ thông (PT), đặc biệt là các trường chuyên, các trường DN, TCCN, CĐ&ĐH có danh tiếng, có thương hiệu, có năng lực CT thu hút nhiều học sinh giỏi, học sinh tài năng qua các kì thi tuyển sinh hàng năm.

2.3. HT và CT cung ứng dịch vụ GD trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế

2.3.1. Phạm vi HT và CT

Ở Việt Nam, trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, GD cùng với y tế, khoa học - công nghệ và thể dục thể thao là những lĩnh vực dịch vụ công cộng chủ yếu (1, tr 203-204). Theo phạm vi hoạt động và đặc điểm của loại dịch vụ, mức độ chi phối của Nhà nước và mức độ tác động của thị trường đến các dịch vụ GD, có thể phân các loại dịch vụ GD thành hai nhóm (5):

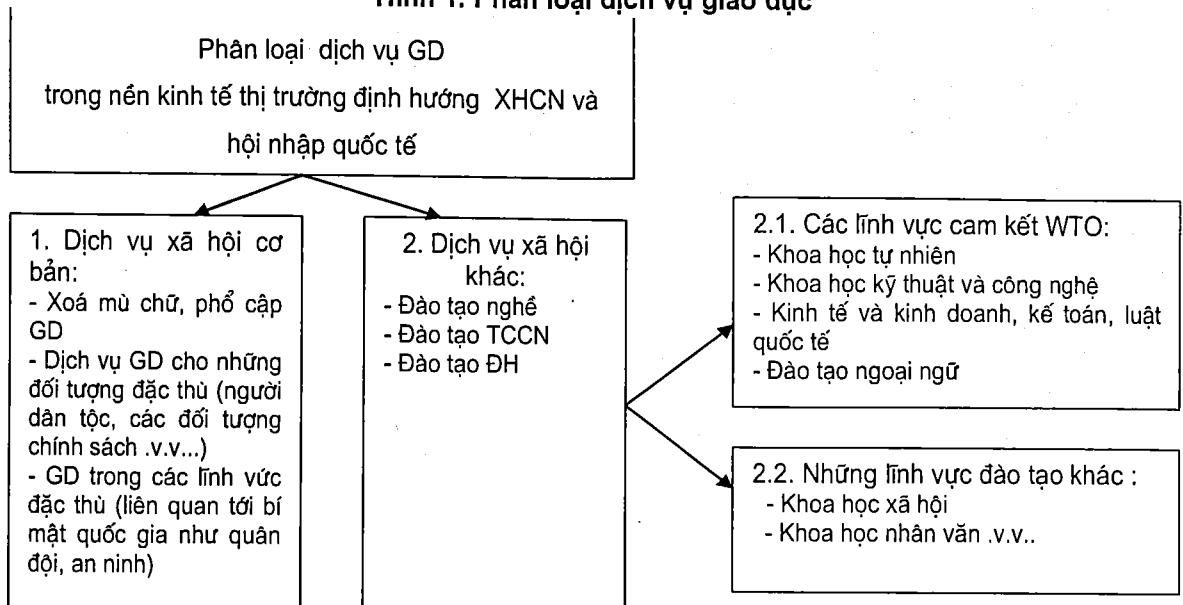
Nhóm những dịch vụ xã hội cơ bản trong GD là những loại dịch vụ GD trong đó Nhà nước can thiệp mạnh mẽ thông qua đầu tư và quản lí dịch vụ nhằm nâng cao phúc lợi cơ bản chung cho toàn xã hội, hạn chế tác động của thị trường.

Nhóm những dịch vụ GD khác là những dịch vụ chịu sự tác động mạnh của thị trường, trong đó phải kể đến dịch vụ chuẩn bị nghề nghiệp cho người lao động, cụ thể là lĩnh vực đào tạo nhân lực. Nhà nước chủ yếu giữ vai trò quản lí vĩ mô một số lĩnh vực đối với loại hình dịch vụ này.

Kể từ khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO (11/2006), GD xuyên biên giới sẽ tạo nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với ngành GD cần vượt qua trong quá trình hội nhập. HT và CT trong phạm vi quốc tế ngày càng được mở rộng, đặc biệt trong những lĩnh vực đào tạo thuộc phạm vi cam kết mở cửa, như khoa học tự nhiên, kĩ thuật và công nghệ, kinh tế và kinh doanh, kế toán, luật quốc tế và đào tạo

ngoại ngữ, thuộc các trình độ đào tạo: DN, học đầu ngành, trong đó đặc biệt có đội ngũ TCCN, CĐ&ĐH. giảng viên là Việt kiều ở nước ngoài vào giảng

Hình 1. Phân loại dịch vụ giáo dục



2.3.2. HT là cơ hội chủ yếu để phát triển GD và nâng cao năng lực CT trong quá trình hội nhập WTO

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, HT trong GD ngày càng được phát triển trên cả bề rộng của phạm vi cũng như bề sâu của từng lĩnh vực HT. HT trong GD phát triển không chỉ ở trong nước mà còn trên phạm vi quốc tế, ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo, từ GDMN, GDPT, DN, TCCN, CĐ&ĐH.

HT quốc tế trong GD thực sự là một cơ hội để phát triển GD trong thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, tính chất và mục tiêu của sự HT ngày nay cũng có những thay đổi, ngoài sự hỗ trợ của nước ngoài và các tổ chức quốc tế để giúp Việt Nam phát triển GD, một bộ phận của sự HT được thực hiện trên nền tảng dịch vụ thương mại, nguyên tắc hai bên cùng có lợi. HT GD trong nước và quốc tế trước hết để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội, vì sự phát triển người học. Đồng thời thông qua đó nâng cao năng lực CT của các cơ sở GD ở phạm vi trong nước và quốc tế.

Phạm vi HT quốc tế:

- WTO tăng cơ hội tiếp cận trao đổi dịch vụ GD, HT trong việc chia sẻ thông tin, học liệu, nhập khẩu các kỹ thuật và công nghệ hiện đại phục vụ quản lý và tổ chức quá trình dạy học; thu hút nguồn đầu tư cho cơ sở vật chất và phương tiện dạy học; mời các giảng viên, các nhà khoa

dạy các ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn; tiếp cận các chương trình đào tạo tiên tiến .v.v.... HT quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học góp phần cải thiện chất lượng và hiệu quả GD.

- Mở các cơ sở ĐT tại VN, tăng cơ hội tiếp cận GD quốc tế ngay tại Việt Nam. Tiết kiệm ngoại tệ do du học tại chỗ, dành vốn đầu tư phát triển ngành, nghề đào tạo mũi nhọn, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách .v.v....

- Các nhà cung cấp nước ngoài giúp tăng cơ hội tiếp cận GD quốc tế có chất lượng ở nước ngoài thông qua việc gửi sinh viên (SV), học viên cao học và nghiên cứu sinh (HVCH&NCS) đi du học, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Trong những năm qua, số lượng SV, HVCH&NCS du học, trong đó có du học tự túc ngày càng tăng. Hàng năm có khoảng 4000 người đi du học tại Úc và khoảng 3600 người đi du học tại Mỹ .v.v.... Chi phí du học ở nước ngoài là khá cao nhưng nhu cầu du học ngày càng tăng. GD xuyên biên giới sẽ tăng cơ hội cho người học du học tại chỗ với chi phí thấp hơn. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế cũng sẽ đưa đến nguy cơ mở rộng khoảng cách giàu nghèo, cơ hội tiếp cận GD của một bộ phận lớn dân nghèo bị thu hẹp .v.v.... Con, em các hộ gia đình nghèo (khoảng 20%) và cận nghèo (khoảng 20%) khó có thể tiếp cận các chương trình GD có chất lượng.



- Thu hút sinh viên quốc tế đến du học tại Việt Nam, tăng nguồn thu ngoại tệ, tăng cường giao lưu văn hoá .v.v...

- Tăng cường trao đổi chuyên gia, giảng viên và các nhà khoa học, tạo cơ hội cho các nhà GD Việt Nam học hỏi, tiếp thu những kinh nghiệm tiên tiến từ những đồng nghiệp trên thế giới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học để ứng dụng vào điều kiện thực tiễn Việt Nam nhằm phát triển GD, dần tiếp cận với trình độ phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Là nước có nền kinh tế chậm phát triển nhưng Việt Nam đã có những chính sách mở cửa khá thông thoáng trước khi gia nhập WTO. Theo báo cáo của Bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân tại cuộc tọa đàm về “GD-ĐT Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới” do Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương tổ chức thì Việt Nam đã cho phép thành lập một số cơ sở GD có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có cơ sở GD với 100% vốn nước ngoài (Trường RMIT, các trường quốc tế...), gần 200 chương trình, dự án liên kết đào tạo với nước ngoài, trong đó: có khoảng 50 chương trình liên kết trong khuôn khổ các thỏa thuận HT cấp chính phủ với sự tài trợ, giúp đỡ kĩ thuật và chuyên gia của nước ngoài; khoảng 60 chương trình liên kết do Bộ GD&ĐT thẩm định và cấp phép; khoảng 50 chương trình liên kết của các đại học và trường đại học được Bộ GD&ĐT phân cấp ký liên kết và trực tiếp quản lí. Ngoài ra, Bộ GD&ĐT khuyến khích các cơ sở đào tạo đại học có điều kiện nhập khẩu thử nghiệm các chương trình đào tạo của nước ngoài .v.v...

2.3.3. CT trong phạm vi quốc gia và quốc tế là thách thức cơ bản đối với GD, đồng thời tạo động lực phát triển sự nghiệp GD

Chủ thể, mục đích và phạm vi CT:

- Trong nền kinh tế thị trường, bối cảnh hội nhập WTO, sự CT không chỉ diễn ra trong phạm vi giữa các cơ sở GD (CSGD) trong nước mà còn mở rộng CT giữa các CSGD trong nước với các trường quốc tế đóng tại Việt Nam và các CSGD ở nước ngoài. Mục đích của CT nhằm mở rộng thị trường dịch vụ GD, tăng thị phần, CT trong việc thu hút người học thông qua thương hiệu, chất lượng và giá dịch vụ tương ứng với các mức chất lượng được phân hóa theo năng lực của từng CSGD và nhu cầu người học.

- Cuộc CT nội bộ trong nước ngày càng trở lên mạnh mẽ hơn trong tất cả các cấp học và trình độ đào tạo, như: GDMN, GDPT, DN, TCCN,

CD&ĐH (trừ GD trong các lĩnh vực đặc biệt như an ninh, quốc phòng, GD cho những đối tượng chính sách.v.v..được Nhà nước ưu tiên bảo trợ). Trong quá trình CT, về lâu dài những cơ sở GD có chất lượng đào tạo thấp, các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học không đảm bảo, không có khả năng thu hút người học sẽ tự phải đóng cửa.

Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay do nhu cầu học tập của xã hội là rất lớn trong khi đầu tư phát triển hệ thống trường, cơ sở vật chất và các phương tiện dạy học cho các trường còn rất hạn chế nên cuộc CT vẫn hết sức nóng bỏng giữa những người học để tìm kiếm cơ hội tiếp cận nền GD có chất lượng cao, trong khi các CSGD có chất lượng thấp, điều kiện trường lớp, cơ sở vật chất và phương tiện dạy học nghèo nàn vẫn thu hút được người học, và như vậy vẫn tồn tại.

- Cuộc CT giữa những người học càng được thể hiện rõ nét hơn trong các cuộc thi tuyển để có được chỗ học có chất lượng cao, để được tiếp cận một nền GD có chất lượng, đặc biệt là trình độ GD quốc tế, hoặc ở các cơ sở GD có uy tín, ở những lĩnh vực ngành nghề đào tạo phù hợp với nguyện vọng, sở trường của người học. Đồng thời tồn tại sự CT giữa các cơ sở sử dụng nhân lực để có được những sản phẩm của dịch vụ GD có chất lượng, thoả mãn được nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Những lĩnh vực đào tạo (ĐT) thuộc phạm vi cam kết mở cửa như DN, TCCN, CD&ĐH, đối với các lĩnh vực đào tạo, như khoa học tự nhiên, kĩ thuật và công nghệ, kinh tế và kinh doanh, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngoại ngữ thì khi GD quốc tế có điều kiện chính thức xâm nhập vào Việt Nam, cuộc CT sẽ ngày càng trở lên sôi động.

Các lĩnh vực dịch vụ xã hội cơ bản trong GD (GDMN, GDPT, GD trong các lĩnh vực đặc biệt như an ninh, quốc phòng, GD cho những đối tượng chính sách .v.v...) không thuộc phạm vi cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO, được Nhà nước bảo trợ, đầu tư là chính, do vậy không có sự CT quốc tế trong các lĩnh vực này.

Ngoài việc nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo nhân lực để đáp ứng nhu cầu trong nước, cũng như CT để mở rộng thị trường GD ra nước ngoài là một định hướng quan trọng.

CT là một thách thức đối với GD Việt Nam:

- CT quốc tế ngay tại Việt Nam trong môi trường tự do hóa thương mại sẽ ngày càng gay gắt hơn trong khi năng lực CT của hệ thống GD Việt Nam nói chung và của các trường nói riêng

còn rất thấp do chất lượng GD thấp, nguồn lực tài chính và đội ngũ GV rất hạn chế. Các trường của Việt Nam khó thu hút học sinh, sinh viên nếu không đáp ứng được các nhu cầu của họ.

- Hội nhập quốc tế đưa đến thách thức trong việc đảm bảo chất lượng GD theo các tiêu chuẩn quốc tế trong khi đất nước còn nghèo, trình độ phát triển GD còn thấp. Để có thể CT trong tiến trình hội nhập, nâng cao năng lực CT trong phạm vi quốc gia và quốc tế đòi hỏi các cơ sở GD phải nâng cao chất lượng GD.

- Trong quá trình hội nhập, một mặt phải thực hiện những cam kết trong khuôn khổ GATS, mặt khác phải đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia và mục tiêu chính trị của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng nước Việt Nam độc lập dân tộc, định hướng XHCN, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Khung pháp lí và các chính sách vĩ mô có thể bị ảnh hưởng, điều chỉnh cho phù hợp với những cam kết song phương và đa phương; khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi của người học, bản sắc văn hoá dân tộc bị đe dọa. Đây là điều không thể không thực hiện và thực hiện được điều đó sẽ nâng cao tiềm lực và sức CT của hệ thống GD nói chung và của các cơ sở GD nói riêng.

Tuy nhiên, công tác quản lí nhà nước còn nhiều bất cập. Những nguyên nhân của tình trạng này cần phải kể đến: việc thậm định cấp giấy phép chưa được thực hiện chặt chẽ; kiểm tra và giám sát các hoạt động của các cơ sở liên kết ĐT chưa được thường xuyên; hệ thống quy phạm pháp luật bộc lộ còn nhiều điểm không phù hợp, chưa được cụ thể hóa; chưa có đầu mối thống nhất quản lí các chương trình liên kết.

Hội nhập WTO, một mặt tạo ra áp lực phải cải cách thể chế và chính sách quản lí vĩ mô, đồng thời cũng tạo ra cơ hội để nước ta hoàn thiện môi trường pháp lí phù hợp với thông lệ quốc tế, đổi mới tư duy trong quản lí và vận hành hệ thống GD, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của người Việt Nam để phát triển GD.

Tóm lại, CT trong GD trong tiến trình hội nhập quốc tế vừa là áp lực, thách thức và là quy luật tất yếu trong quá trình phát triển GD của mỗi quốc gia. Đồng thời, để có thể CT, tồn tại trong môi trường xã hội hiện đại đòi hỏi các cơ sở GD phải không ngừng nâng cao năng lực của mình - đây cũng chính là động lực phát triển GD nói chung và các cơ sở GD nói riêng.

3. Một số nguyên tắc, công cụ và điều kiện để HT và CT

Một vấn đề đặc biệt quan trọng là làm thế

nào để HT và CT, CT bằng công cụ nào, phương thức HT giữa các trường DN, TCCN, CĐ&ĐH trong nước và giữa các trường trong nước với các trường quốc tế.

3.1. Nguyên tắc

- HT các bên cùng có lợi; HT dưới sự giám sát chặt chẽ trên cơ sở các điều khoản đã được cam kết.

- HT và CT bền vững phải được thực hiện trong khuôn khổ luật pháp quốc gia và quốc tế, giữ vững chủ quyền và mục tiêu quốc gia, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ quyền lợi người học. CT bình đẳng trên cơ sở những cam kết tại GATS.

- HT và CT trong GD phải hướng tới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong tiếp cận GD nói chung và GD quốc tế nói riêng. HT và CT phải hướng tới phát triển người học.

- HT và CT trên cơ sở phải đảm bảo tính bản chất của "dịch vụ GD XHCN" trong nền kinh tế thị trường, được thể hiện:

* Phát triển GD vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

* Đảm bảo công bằng xã hội trong việc tiếp cận GD thông qua các chính sách đầu tư, tuyển sinh, học phí và học bổng .v.v..., đặc biệt với các đối tượng thiệt thòi, các đối tượng chính sách, con em dân tộc thiểu số, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, thu hút nguồn lực, học phí cao đối với các gia đình sinh viên có điều kiện tài chính .v.v...

* Nhà nước đóng vai trò thống nhất trong quản lí và chủ đạo trong đầu tư phát triển GD. Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: Định hướng cho sự phát triển GD thông qua chiến lược, quy hoạch phát triển các lĩnh vực của GD. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần tăng cường hiệu lực quản lí thông qua việc tạo môi trường pháp lí phục vụ quản lí phát triển GD, hạn chế các tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Vai trò chủ đạo của nhà nước được thể hiện trong việc đảm bảo công bằng trong GD (như đã đề cập ở trên), những lĩnh vực đặc thù, then chốt .v.v...

* Bằng các cơ chế và chính sách thuận lợi để khuyến khích, thu hút sự đóng góp trí tuệ và nguồn lực của các cá nhân, tổ chức, các tầng lớp xã hội cho sự nghiệp phát triển GD, trên cơ sở tôn trọng các quy luật của thị trường.

3.2. Công cụ và điều kiện đảm bảo cho sự thành công trong HT và CT

- Để cuộc CT diễn ra lành mạnh, đảm bảo



quyền lợi cho các cơ sở đào tạo của Việt Nam, chúng ta cần có những chính sách phù hợp và kiểm soát chặt chẽ theo các điều kiện như đã ký kết trong các hiệp định thương mại song phương và cam kết GATS (như điều kiện về thời gian được mở trường 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, kiểm soát về chương trình đào tạo, về kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên quốc tế được tham gia giảng dạy tại Việt Nam v.v...).

- Cần xây dựng được quy trình chặt chẽ cho phép thành lập và giám sát hoạt động của các cơ sở GD nước ngoài tại Việt Nam.

- Kiểm định, công nhận và đảm bảo chất lượng, tăng cường khả năng CT. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn trường, tiêu chuẩn chất lượng, chương trình ...), công nhận tương đương bằng cấp, v.v... Trên cơ sở đó, cần kiên quyết thực hiện theo một quy trình chặt chẽ về thẩm định cho phép thành lập các trường mới, rà soát và đóng cửa những cơ sở đào tạo không đảm bảo chất lượng. Đồng thời có những chính sách hợp lý khuyến khích các trường đào tạo có chất lượng cao v.v...

- Cần có sự thống nhất, nhất quán của các chính sách quốc gia về GD, chính sách nhập cư v.v...

- Chất lượng dịch vụ GD là nhân tố quyết định năng lực CT của nền GD nói chung và của các cơ sở GD nói riêng. Nâng cao năng lực CT thông qua việc nâng cao chất lượng ĐT và các dịch vụ cung cấp cho HS, SV theo nhu cầu của khách hàng; Chất lượng dần được quốc tế công nhận, công nhận tương đương bằng cấp;

- Giá dịch vụ đào tạo phù hợp; v.v..

- Cần xây dựng được quy trình chặt chẽ cho phép thành lập và giám sát hoạt động của các cơ sở GD nước ngoài tại VN

- Kiểm định, công nhận và đảm bảo chất lượng, tăng cường khả năng CT. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn trong GD, công nhận tương đương bằng cấp; xây dựng hệ thống đào tạo theo tín chỉ

- Cần có sự thống nhất, nhất quán của các chính sách quốc gia về GD, chính sách nhập cư v.v...

- Về phạm vi: cần xác định các lĩnh vực của dịch vụ GD chủ yếu mà Nhà nước chịu trách nhiệm chính (liên quan tới an ninh quốc gia), cần đạt được thỏa thuận miễn trừ cam kết vĩnh viễn thông qua đàm phán đa phương.

- Cần xác định những phạm vi dịch vụ chưa nên có những cam kết cụ thể về việc tiếp cận thị trường của nhà cung cấp nước ngoài để có thể

được phép miễn trừ trong vòng 10 năm, có thời gian để VN chuẩn bị thông qua đàm phán song phương.

HT, CT trong phạm vi quốc gia và quốc tế giữa các CSGD trong nước, giữa các CSGD trong nước và nước ngoài vừa mang tính quy luật, vừa là động lực phát triển GD. HT và CT nội bộ hệ thống GD có phạm vi rộng, với mục tiêu phát triển hệ thống. Trong khi đó, một bộ phận HT quốc tế nhằm tìm kiếm sự giúp đỡ, tài trợ của các nước và tổ chức quốc tế để phát triển sự nghiệp GD, bộ phận khác với mục tiêu mang lại lợi ích cho các bên HT. CT quốc tế tồn tại trong phạm vi hẹp hơn, ở một số lĩnh vực ĐT nhất định theo cam kết khi nước ta gia nhập WTO. Mặt khác CT tồn tại vừa mang tính lành mạnh và một bộ phận có thể có CT không lành mạnh đòi hỏi nhà nước cần phải có những chính sách điều tiết.

TÀI LIỆU TAM KHẢO:

1. Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội- 2006.
2. Nguyễn Thiện Nhân. *Thực trạng GD Việt Nam, cơ hội và thách thức đối với GD Việt Nam khi gia nhập WTO*. Báo cáo tại cuộc tọa đàm về "GD-ĐT Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới". Quý Hòa bình và Phát triển Việt Nam, 21/4/2007.
3. Báo cáo để dẫn tại cuộc tọa đàm về "GD-ĐT Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới". Quý Hòa bình và Phát triển Việt Nam, 21/4/2007.
4. Tài liệu Diễn đàn quốc tế về GD Việt Nam "Gia nhập WTO và đổi mới GD đại học Việt Nam". Hà Nội, ngày 11 – 12/12/2006.
5. Phan Văn Kha. *Phát triển GD trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*. Tạp chí Giáo dục, số 14 năm 2006

SUMMARY

The article presents: 1/ the concepts and forms of cooperation and competition; 2/ cooperation and competition which are two aspects of both unity and opposition but coexist together and work as a driving force for educational development; 3/ several principles, tools and conditions for cooperation and competition